

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƯ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 11/2017/HNGĐ - ST

Ngày: 28-9-2017

V/v: Tranh chấp hôn nhân & gia đình.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Công Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Ký.
2. Ông Nguyễn Kim Sơn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân: Ông Lê Hữu Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 38/2017/TLST – HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2017/QĐST - HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2017/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H, sinh năm 1989; Địa chỉ: thôn Vân Bình, xã Cát Vân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Lê Bá Mai – Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước. Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa – Chi nhánh số 5. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Lò Văn Ch, Sinh năm: 1987; Địa chỉ: thôn Vân Bình, xã Cát Vân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng - Chủ tịch hội đồng Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Người đại diện ủy quyền: Ông Phùng Bá Hồng - Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội - Chi nhánh huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Người được ủy quyền: Ông Phạm Công Thành. Sinh năm: 1972.

Phó giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội – Chi nhánh huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn Khởi kiện ngày 22 tháng 05 năm 2017 và các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Như Xuân, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Lò Văn Ch kết hôn với nhau được hai bên gia đình đồng ý và có tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống, phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn do UBND xã Cát Vân, huyện Như Xuân cấp ngày 18 tháng 6 năm 2009. Sau khi kết hôn chị H và anh Ch sinh sống tại địa chỉ: thôn Vân Bình, xã Cát Vân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm sống nên thường phát sinh cãi cọ, xúc phạm lẫn nhau, không quan tâm đến nhau. Anh Ch thường xuyên đi làm ăn xa mà không thông báo, khi về lại đánh đập không chăm lo đến vợ con. Khoảng tháng 10/2016, mâu thuẫn giữa anh chị đến đỉnh điểm, không ai nghe ai và anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Chị H xét thấy tình cảm giữa hai người không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh Ch để anh chị chấm dứt tình trạng hôn nhân này.

Về con chung: Quá trình sống chung anh chị có 02 con chung. Cháu thứ nhất tên là: Lò Thị Hà L; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 08/1/2010 và cháu thứ hai tên là: Lò Thị Hà A; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 27/2/2013. Hiện tại cả hai cháu đều đang sống cùng mẹ, khỏe mạnh phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Theo nguyện vọng của cháu Lò Thị Hà L là muốn được chung sống với mẹ, nên chị H đề nghị Toà án giải quyết được nuôi cả hai cháu Lò Thị Hà L và Lò Thị Hà A cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị H còn trình bày thêm là hiện nay anh Ch đang có mối quan hệ với một người phụ nữ khác nên không chăm lo đến các con, thường xuyên bỏ nhà đi mà không chu cấp hay hỏi thăm gì con nên chị tha thiết đề nghị Tòa án xem xét cho chị được nuôi cả hai con chung và yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ cho mỗi cháu, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Chị H và anh Ch có nợ Ngân hàng CSXH huyện Như Xuân số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng). Chị đề nghị khoản nợ này chia đôi cho vợ chồng, mỗi người phải chịu trách nhiệm trả 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Theo bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, bị đơn anh Lò Văn Ch trình bày: Anh Ch thống nhất như lời trình bày của chị H về tình trạng hôn nhân và con chung. Nhưng anh Ch nhận thấy tình cảm vợ chồng đang còn, tình trạng hôn nhân có thể cải thiện được nên không đồng ý ly hôn với

chị Bùi Thị H. Về con chung anh Ch xin được chăm sóc nuôi dưỡng cả 2 cháu và yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Anh Ch xác nhận có nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Như Xuân số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Người được ủy quyền Ông Phạm Công Thành trình bày: Ngày 10 tháng 12 năm 2016, hộ gia đình bà Bùi Thị H có vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Như Xuân để thực hiện dự án nuôi bò sinh sản số tiền là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng). Hợp đồng tín dụng này do bà H đứng tên, và có chữ ký của ông Ch. Nay ông Ch và bà H giải quyết ly hôn Ngân hàng chính sách xã hội đề nghị Tòa án nhân dân huyện Như Xuân buộc bà H phải chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh huyện Như Xuân.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu quan điểm: Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, cả chị H và anh Ch đều thừa nhận anh chị kết hôn với nhau vào ngày 18 tháng 6 năm 2009 có giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã Cát Vân, huyện Như Xuân cấp, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Thời gian chung sống anh chị có 02 người con chung và đến năm 2016 thì chị vợ chồng sống ly thân nhau do tính tình và quan điểm sống không hợp. Nay chị H nhất quyết xin được Tòa án giải quyết ly hôn với anh Ch, do anh Ch đã có người phụ nữ khác và thường xuyên đánh đập vợ con, không chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình. Chị H xét thấy tình cảm không còn với anh Ch, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị HĐXX tuyên xử ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Lò Văn Ch và giao cả hai người con chung của anh chị cho chị Bùi Thị H (Mẹ đẻ) trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, do anh Ch không có trách nhiệm chăm lo đến con cái và cũng phù hợp với nguyện vọng của chị H và cháu Lò Thị Hà L (vì hiện nay cháu đã trên 7 tuổi). Buộc anh Ch phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho mỗi cháu hàng tháng là 1.000.000đ cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Về số tiền nợ chung của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Như Xuân do số tiền này vay trong thời kì hôn nhân nên đề nghị Tòa án chia đôi trách nhiệm trả nợ cho cả hai vợ chồng.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký và hội thẩm nhân dân chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 73, 227 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt là vi phạm Điều 70, 72 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa chị Bùi Thị H không có đề nghị thay đổi, bổ sung hoặc rút yêu cầu khởi kiện. Về việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát và nguyên đơn đề nghị HDXX tiếp tục phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và nghe các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án thấy rằng chị Bùi Thị H và anh Lò Văn Ch có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại thôn Vân Bình, xã Cát Vân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình thì xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Bị đơn anh Lò Văn Ch đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Lò Văn Ch kết hôn với nhau theo đúng nghi thức và đăng ký chứng nhận kết hôn tại UBND xã Cát Vân, huyện Như Xuân vào ngày 18 tháng 6 năm 2009. Căn cứ vào Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình thì chị H và anh Ch đủ điều kiện kết hôn với nhau, thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian thì phát sinh do mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, đến nay mâu thuẫn giữa anh chị đã thật sự trầm trọng và anh chị đã sống ly thân với nhau thời gian dài từ khoảng tháng 10 năm 2016 đến nay. Mặt khác, theo trình bày của chị H thì anh Ch đang có quan hệ với người phụ nữ khác. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh Ch không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị và anh Ch là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về con chung: Chị H và anh Ch đều xác nhận không có con riêng, có 2 con chung, gồm cháu thứ nhất tên là: Lò Thị Hà L; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 08/1/2010 và cháu thứ hai tên là: Lò Thị Hà A; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 27/2/2013. Cả hai cháu đều chưa đến tuổi trưởng thành và cháu Lò Thị Hà L đã hơn 7 tuổi nên Tòa án đã lấy lời khai của cháu theo quy định. Nguyên vọng của cháu Hà L là được sống với mẹ, cháu Hà A đang còn nhỏ mới hơn 4 tuổi và hiện nay đang sống ổn định với chị H nên giao cháu cho mẹ là phù hợp. Hơn nữa, anh Ch thường xuyên vắng mặt nên sẽ không đảm bảo chăm sóc các cháu tốt hơn so với mẹ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử

xét thấy giao hai cháu: Lò Thị Hà L; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 08/1/2010 và cháu: Lò Thị Hà A; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 27/2/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và cần thiết để đảm bảo các cháu được chăm sóc và giáo dục tốt nhất.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Căn cứ vào điều kiện thực tế ở địa phương, vào thu nhập của anh Ch và chị H cũng như nhu cầu ăn học của 2 cháu. Hội đồng xét xử xét thấy chị H yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) đối với mỗi cháu, cho đến khi các cháu trưởng thành là phù hợp cần chấp nhận và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82; khoản 1 Điều 116; Điều 117 và khoản 1 Điều 118 Luật hôn nhân gia đình 2014.

Anh Ch có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung của anh chị, không ai được ngăn cấm theo Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về tài sản:* Chị Bùi Thị H và anh Lò Văn Ch tự thỏa thuận với nhau về phần tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 11 Điều 70 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này anh chị có yêu cầu sẽ giải quyết việc chia tài sản bằng vụ án khác.

[4] *Về nghĩa vụ chung:* Chị H, anh Ch và Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội xác nhận hiện nay vợ chồng có nợ Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện Như Xuân số tiền 25.000.000 đồng. Số tiền này được vay trong thời kì hôn nhân, mục đích vay là để mua bò phát triển kinh tế gia đình. Vì vậy, căn cứ vào các quy định khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình cần phải chia đôi số tiền nợ trên là phù hợp.

[5] *Về án phí và Quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 147 BLTTDS; Căn cứ vào Điều 6; 9; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì gia đình chị H và anh Ch thuộc hộ nghèo nên H được miễn tiền án phí hôn nhân và gia đình và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh Ch được miễn tiền án phí có giá ngạch (là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung). Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 8; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; 69; 70; 71; 72; 73; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117 và Điều 119 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 BLTTDS. Điều 6; 9; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Lò Văn Ch.

Về con chung: Chị Bùi Thị H và anh Lò Văn Ch có hai con chung là Lò Thị Hà L; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 08/1/2010 và cháu: Lò Thị Hà A; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 27/2/2013. Giao các cháu Lò Thị Hà L và Lò Thị Hà A cho chị Bùi Thị H được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng các cháu đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng: Buộc anh Lò Văn Ch phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi hai cháu Lò Thị Hà L và Lò Thị Hà A mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) đối với mỗi cháu cho đến khi các cháu Lò Thị Hà L và Lò Thị Hà A đủ tuổi trưởng thành. Phương thức cấp dưỡng là theo định kỳ hàng quý (ba tháng) một lần. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con chung kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Ch được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản anh thực hiện quyền này. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

Về tài sản: Các đương sự tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Chị H và anh Ch có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh huyện Như Xuân theo đúng nội dung đã ghi trong sổ vay vốn Mã khách hàng: 7078674973. Chị Bùi Thị H phải trả nợ số tiền là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng). Anh Lò Văn Ch phải trả nợ số tiền là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Về án phí: Chị Bùi Thị H và anh Lò Văn Ch được miễn tiền án phí theo quy định. Chị H được nhận lại 300.000đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2015/0002984 ngày 25 tháng 5 năm 2017, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Xuân.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Như Xuân;
- Chi cục THA DS huyện Như Xuân;
- Các đương sự;
- UBND xã Cát Vân, huyện Như Xuân;
- Lưu hồ sơ;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Công Tuấn